

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22-8-2022

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon;
- Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thủy T, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 16, ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Thủy T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thủy T và anh Võ Văn H tổ chức đám cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2011 tại UBND thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang.

Trước khi cưới nhau, chị T và anh H tự tìm hiểu tiến tới hôn nhân. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chung sống, vợ chồng chị T và anh H chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi, anh H đối xử tệ bạc với chị T dẫn đến

hôn nhân không hòa H, không có tiếng nói chung. Từ đó vợ chồng chị T và anh H sống xa nhau từ cuối năm 2013 cho đến nay.

Nay chị T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 19/01/2012. Hiện nay, con chung đang sống với chị T. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Võ Văn H đã được Toà án tổng đạt H lệ các văn bản tố tụng, nhưng anh H không có văn bản ghi ý kiến về việc chị T yêu cầu ly hôn, nuôi con, đồng thời đều vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thủy T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con. Bị đơn anh Võ Văn H có địa chỉ tại xã H, huyện B, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị T và anh H được Tòa án triệu tập H lệ lần thứ hai, chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Thủy T và anh Võ Văn H là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện T, tỉnh An Giang vào ngày 31/5/2011. Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị T yêu cầu ly hôn với anh H vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm, không hàn gắn lại được, anh H không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh H có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không còn quan tâm lẫn nhau, anh H đối xử tệ bạc với chị T dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, không có tiếng nói chung, từ đó khiến tình cảm vợ chồng phai nhạt, hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã sống xa nhau thời gian dài nhưng cả hai không hàn gắn tình cảm được, mỗi người có cuộc sống riêng, vợ chồng không còn yêu

thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có 01 con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 19/01/2012. Hiện nay, cháu Mỹ H đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Mỹ H, anh H không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Mỹ H sống với chị T đã ổn định, được chị chăm sóc tốt, khỏe mạnh và điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu là được sống với chị T, thể hiện tại Văn bản ghi ý kiến của cháu ngày 08/7/2022. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Võ Thị Mỹ H, phù hợp với khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, anh H không có văn bản ghi ý kiến và không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông không có mặt để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thủy T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thủy T được ly hôn với anh Võ Văn H.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Thị Mỹ H, sinh ngày 19/01/2012 cho chị Trần Thị Thủy T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

Chị T và anh H được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về nợ chung: Không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Trần Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010160 ngày 13/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp; như vậy chị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND thị trấn V, huyện T, An Giang (Số ĐKKH: 77/2011, Quyền số: 01/2011, ngày 31/5/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Xuân Nữ